TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2023/DS– PT
Ngày: 22/3/2023
V/v"Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu

Các Thẩm Phán: Ông Lê trúc Lâm
Bà Vũ Ngọc Hà

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Phạm Việt Triều –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-DS ngày 13/01/2023 về "Tranh chấp đòi lại tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX- PT ngày 21/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn Đ, sinh năm: 1972; Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ông Lương Văn Đ lấy tài sản của bà bán với số tiền sau: 01 bình xăng xe Click 350.000đ; mặt nạ xe click 220.000đ; 24 cái giò đạp xe máy 60.000đ/01 cái (1.440.000đ); 01 còi xe giá 35.000đ; 40 cần số xe máy 45.000đ/cái (1.800.000đ); 01 nắp xăng 25.000đ; 15 cản xe máy 65.000đ/01 cái (975.000đ); 01 cục IC giá 45.000đ; 02 cái nắp tròn bộ lửa giá 150.000đ/cái (300.000đ); 01 cục IC xe ga giá 75.000đ; 01 ốp bình MX 70.000đ và 02 xe máy 25.000.000đ; tổng cộng là 30.335.000đ. Bà S yêu cầu ông Đ phải trả lại tài sản đã lấy của bà với tổng giá trị là 30.335.000 đồng và đền bù thiệt hại là tính lãi từ ngày 07/8/2008 cho đến ngày trả nợ cuối cùng. Vì ông Đ bỏ trốn, không có xác nhận của bà theo hợp đồng thì làm sao bà trả lương, nếu bà không trả lương thì ông Đ đã đến doanh nghiệp khiếu nại nên bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn ông Lương Văn Đ trình bày: Ngày 23/2/2008, ông vào làm cho doanh nghiệp tư nhân Thanh S với công việc sửa xe, láp ráp xe, lương thỏa thuận hàng tháng là 1.100.000 đồng, hai bên không ký hợp đồng lao động. Đến ngày 8/3/2008, bà S chuyển ông sang trông coi, mua bán xe tại chi nhánh của doanh nghiệp tại Phú Lâm. Hai bên ký biên bản bàn giao lượng hàng và thỏa thuận lương hàng tháng của ông, có sự chứng kiến của bà Trần Thị E, ông Lê Trọng Đ, ông Lê Thanh P đều là nhân viên của bà S; theo đó ông nhận quản lý toàn bộ chìa khóa, tài sản nhà cửa tại 340 Nguyễn Văn Linh, phường P của bà S. Tại biên bản ngày 08/3/2008, hai bên thỏa thuận tiền lương của ông là 800.000 đồng/tháng, tiền ăn 300.000 đồng/tháng, tổng cộng là 1.100.000 đồng, ông nhận lương ngày 6 hàng tháng. Làm việc từ ngày 08/3/2008 đến tháng 4/2008 bà S trả ông 01 tháng 07 ngày lương, sau đó không trả lương cho ông nữa. Đến ngày 07/8/2008, ông chính thức nghỉ làm, bà S còn nợ ông 03 tháng lương 5, 6, 7/2008 là 3.300.000 đồng nên ông khởi kiện yêu cầu bà S phải trả cho ông số tiền lương còn nợ này. Do vào thời gian này, ông bị bệnh cần tiền điều trị nhưng đòi tiền lương bà S không trả nên ông có mang 02 xe của doanh nghiệp thế chấp lấy số tiền 5.500.000 đồng để chữa bệnh. Do thời gian lâu quá rồi, ông không còn nhớ mình đã thế chấp xe cho ai nữa nên không thể cung cấp được họ tên, địa chỉ cho Tòa. Ngày 07/8/2008, hai bên có lập biên bản bàn giao cửa hàng, lúc này có thiếu 02 chiếc xe và một số tài sản. Ngoài hai chiếc xe máy ra, các tài sản khác đã không có khi ông nhận cửa hàng ngày 08/3/2008, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh nên chấp nhận trả số lượng hàng còn thiếu thành tiền là 5.335.000 đồng như bà S yêu cầu. Riêng đối với 02 chiếc xe Ganassi, trước đây ông chỉ chấp nhận giá trị mỗi xe khoảng 6.800.000 đồng nhưng ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên nay ông chấp nhận trả cho bà S theo giá trị bà S đưa ra là 12.500.000 đồng/01 chiếc xe; 02 xe là 25.000.000 đồng. Như vậy, ông đồng ý trả cho bà S giá trị 02 chiếc xe và các tài sản khác theo như bà S yêu cầu tổng cộng là 30.335.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn ông không thể trả hết 01 lần cho bà S được nên xin được trả dần hàng tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn ông Lương Văn Đ phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S giá trị các tài sản bị thiệt hại là 30.335.000 đồng và bồi thường thiệt hại là lãi suất chậm trả tính từ ngày 07/8/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.071.479 đồng; tổng cộng là 69.406.479 đồng (*Sáu mươi chín triệu bốn trăm linh sáu nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 08/3/2008 đến ngày 07/8/2008 là 1.129.978

đồng (*Một triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*), vì không có căn cứ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lương Văn Đ về việc đòi tiền lương vì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại đối với yêu cầu phản tố này theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn bà S có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu tính lãi từ ngày 08/3/2008 đến ngày 07/8/2008 là 1.129.978 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất đối với các khoản tiền ông Đ phải trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời trình bày, không chấp nhận trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi lại tài sản" thuộc trường hợp tranh chấp Hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có yêu cầu phản tố đòi tiền lương là tranh chấp lao động, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, Hội đồng xét xử thấy bà S khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả một số tài sản, gồm: 01 bình xăng con xe Click; mặt nạ xe click; 24 cái giò đạp xe máy; 01 còi xe giá; 40 cần số xe máy; 01 nắp xăng; 15 cản xe máy; 01 cục IC; 02 cái nắp tròn lớn bộ lửa; 01 cục IC xe ga; 01 ốp bên bình MX và 02 xe máy Ganassi. Hiện nay, các tài sản này không còn nên bà S yêu cầu ông Đ phải hoàn trả bằng giá trị 30.335.000 đồng và đền bù thiệt hại, tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 08/3/2008 cho đến nay, được bị đơn thừa

nhận trong thời gian làm công cho bà S có lấy 02 chiếc xe máy của bà S bán lấy tiền chữa bệnh, còn các tài sản khác bà S trình bày thì ông Đ không lấy nhưng khi kiểm tra vào ngày 07/8/2008 các tài sản này không có và hiện nay các tài sản này không còn nên ông Đ chấp nhận trả lại giá trị cho bà S như bà S yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận buộc bị đơn trả lại giá trị tài sản mà bị đơn làm mất với số tiền 30.335.000 đồng là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, xét thấy: Trong thời gian làm công cho nguyên đơn, bị đơn đã làm thất thoát các tài sản như trên nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại, tính lãi theo quy định pháp luật trên giá trị tài sản bị mất là có cơ sở. Tuy nhiên, về thời điểm nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 08/3/2008 là không có căn cứ. Vì vào ngày 08/3/20008 là thời điểm các bên tiến hành bàn giao tài sản, không phải thời điểm xác định thiệt hại xảy ra. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn cũng trình bày đến ngày 07/8/2008 khi hai bên tiến hành kiểm tra tài sản bà S mới biết bị mất tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tính lãi chậm trả trên số tiền nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày 07/8/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005, là 14 năm 03 tháng 22 ngày x 30.335.000 đồng x 09%/năm = 39.071.479 đồng. Tổng cộng, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 69.406.479 đồng là phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 192, Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217, các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 256, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166 của Bộ luật Lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 26 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn ông Lương Văn Đ phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S giá trị các tài sản bị thiệt hại là 30.335.000 đồng và bồi thường thiệt hại là lãi suất chậm trả tính từ ngày 07/8/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.071.479 đồng; tổng cộng 69.406.479 đồng (*Sáu mươi chín triệu bốn trăm linh sáu nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 08/3/2008 đến ngày 07/8/2008 là 1.129.978 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*), vì không có căn cứ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lương Văn Đ về việc đòi tiền lương vì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại đối với yêu cầu phản tố này theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Bị đơn ông Lương Văn Đ phải chịu 3.470.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu không được chấp nhận và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 758.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010175 ngày 09/7/2018 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007848 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn lại cho bà Hồ Thị Thanh S 458.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TP Tuy Hòa;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Lưu: HSVA.

Ngô Chịu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Công Hạnh **Phan Thị Oanh** **Trần Lê Mai**